



**EVALUATION OF THE ABILITY TO GROW, YIELD AND QUALITY  
OF SOME VARIETIES OF MELONS (*Cucumis melo* L.) IN THE GREEN HOUSE,  
SPRING-SUMMER 2022, THAI NGUYEN PROVINCE**

*Le Thi Kieu Oanh\**, *Tran Dinh Ha*, *João Miguel Mpangaluma*

*Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry, Viet Nam*

*Email address: lethikieuoanh@tuaf.edu.vn*

*<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2023/852>*

---

**Article info**

*Received: 6/03/2023*

*Revised: 25/5/2023*

*Accepted: 8/8/2023*

---

**Keywords**

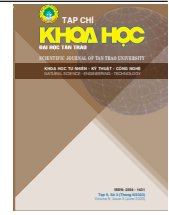
*Growth, greenhouse,  
yield, melon, Thai Nguyen*

---

**Abstract**

The experiment evaluated the growth, yield and quality of 6 varieties of melons (04 varieties imported from Korea: Nami 102, M108, Bach Kim and Hanok No.1, and 2 new hybrid varieties from the Institute of Fruit and Vegetable Research: Happy 6 and Happy 7). The experiment was conducted in the Summer 2022 in the green house of Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry. The results of the study showed that melons have a growing time from 95 to 107 days. The group of big melon varieties (Nami 102, M108, Bach kim) has strong growth capacity, but the infection rate of powdery mildew and nematodes was higher than other varieties, thus affecting the actual yield of the variety. Some high-yielding varieties such as Happy 6, Hanok No.1, Bach Kim have yields from 22.4 to 24.1 quintals/1000 m<sup>2</sup>. The studied varieties have brix from 11.2 to 14.8%, vitamin C from 60.67 to 74.23mg, total sugar: 4.37 - 6.26%, dry matter from 7.99 to 15.62%. The group of small-fruited melon varieties (Happy 6, Happy 7 and Hanok No.1) have higher brix, total sugar and dry matter than the rest of the varieties. In addition, Happy 6 and Happy 7 varieties are fragrant when ripe.

---



## ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG, NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG MỘT SỐ GIỐNG DƯA LÊ (*Cucumis melo* L.) TRONG ĐIỀU KIỆN NHÀ MÀNG VỤ XUÂN HÈ 2022 TẠI THÁI NGUYÊN

Lê Thị Kiều Oanh\*, Trần Đình Hà, João Miguel Mpangaluma

Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, Việt Nam

Địa chỉ email: lethikieuoanh@tuaf.edu.vn

<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2023/852>

Thông tin bài viết	Tóm tắt
<p>Ngày nhận bài: 6/03/2023</p> <p>Ngày sửa bài: 25/5/2023</p> <p>Ngày duyệt đăng: 8/8/2023</p>	<p>Thí nghiệm đánh giá khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng của 6 giống dưa lê (04 giống nhập khẩu từ Hàn Quốc: Nami 102, M108, Bạch kim và Hanok No.1 và 2 giống dưa lê mới cho Viện Nghiên cứu rau quả lai tạo: Happy 6 và Happy 7). Thí nghiệm tiến hành ở vụ Xuân hè 2022 trong nhà màng Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu cho thấy các giống dưa lê có thời gian sinh trưởng từ 95-107 ngày. Nhóm giống dưa lê quả to (Nami 102, M108, Bạch kim) có khả năng sinh trưởng mạnh, nhưng tỷ lệ nhiễm bệnh phấn trắng, tuyến trùng cao hơn các giống khác, do vậy ảnh hưởng đến năng suất thực thu của giống. Một số giống có năng suất cao như Happy 6, Hanok No.1, Bạch Kim có năng suất từ 22,4-24,1 tạ/1000 m<sup>2</sup>. Các giống dưa lê nghiên cứu có độ brix dao động từ 11,2 - 14,8 %, hàm lượng vitamin C từ 60,67 - 74,23 mg/100g thịt quả, hàm lượng đường tổng số: 4,37 - 6,26%, vật chất khô từ 7,99 - 15,62 %. Nhóm giống dưa lê quả nhỏ (HP6, HP7 và Hanok No.1) có độ brix, đường tổng số và vật chất khô cao hơn các giống còn lại. Ngoài ra, giống HP6 và HP7 có mùi thơm khi chín.</p>
<p><b>Từ khóa</b></p> <p>Dưa lê, năng suất, nhà màng, sinh trưởng, Thái Nguyên.</p>	

### 1. Mở đầu

Dưa lê (*Cucumis melo* L.) là rau ăn quả thuộc họ bầu bí (*Cucurbitaceae*) có thời gian sinh trưởng ngắn, trồng được nhiều vụ trong năm với năng suất khá và hiệu quả kinh tế cao, góp phần đa dạng hóa trái cây mùa Hè (Ngô Thị Hạnh và cs., 2020)[3]. Dưa lê là rau ăn quả được sử dụng chủ yếu để ăn tươi hoặc làm nước ép giải khát. Trong quả dưa lê chứa nhiều khoáng chất như kali, giàu *beta*-caroten và vitamin C [7]. Theo Adam C. (1997), trong 1 g dưa lê có tới 20,4 µg betacaroten, gấp khoảng 100 lần so với táo, 20 lần so với cam và 10 lần so với chuối. Tuy nhiên, giá trị dinh dưỡng của

dưa lê phụ thuộc đặc điểm giống và kỹ thuật canh tác [2]. Những năm gần đây, dưa lê được trồng nhiều trong nhà màng đem lại giá trị kinh tế cao. Nhiều giống mới được nghiên cứu chọn tạo, nhập nội khảo nghiệm thích nghi từng vùng sinh thái và điều kiện kỹ thuật trồng khác nhau.

Tuy nhiên, trong điều kiện phát triển sản xuất nông nghiệp như hiện nay, canh tác trong nhà màng ứng dụng công nghệ cao đang được phát triển mạnh. Để đánh giá sự thích hợp trong sản xuất của từng hệ thống nhà màng với mỗi loại cây trồng cần được trồng thử nghiệm và đánh giá, trong đó có cây dưa lê [4], [6]. Dưa lê là cây

ura ánh sáng trực xạ, yêu cầu cường độ ánh sáng cao. Cây sinh trưởng tốt ở nhiệt độ ban ngày là 24 - 29°C, nhiệt độ ban đêm là 16 - 24°C, nhiệt độ thấp dưới 10°C sự sinh trưởng gặp trở ngại [1]. Để đánh giá sự phù hợp của canh tác nhà màng đối với từng giống dưa, chúng tôi đánh giá khả năng sinh trưởng của 6 giống dưa lê mới trong vụ Xuân Hè 2022 tại nhà màng khoa Nông học, trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Địa điểm nghiên cứu

Thí nghiệm được tiến hành trong nhà màng Khoa Nông học, trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên. Nhà màng được thiết kế hệ thống mái vòm, có hệ thống tưới nhỏ giọt tự động và hệ thống quạt thông gió.

### 2.2. Vật liệu nghiên cứu

Gồm 6 giống dưa lê mới: 04 giống thuộc nhóm giống dưa lê Hàn Quốc: Nami 102, M108, Bạch Kim và Hanok No.1 là các giống lai F<sub>1</sub> do công ty TNHH XNK Nông nghiệp Đồng Tâm nhập khẩu; 02 giống của Việt Nam sản xuất: Giống Happy 6 và Happy 7 là giống lai F<sub>1</sub> do Viện nghiên cứu Rau quả nghiên cứu và sản xuất, giống được Cục Trồng trọt chấp nhận thông báo tự công bố giống cây trồng mới theo Thông báo số 594/TB-TT-CLT ngày 11 tháng 6 năm 2021.

### 2.3. Công thức và phương pháp bố trí thí nghiệm

Thí nghiệm gồm 6 công thức tương ứng 6 giống dưa nêu trên, bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ (RCBD) với 3 lần nhắc lại, diện tích mỗi ô thí nghiệm 10,8 m<sup>2</sup> trồng 20 cây, mỗi công thức 60 cây, tổng số cây cả thí nghiệm: 360 cây.

### 2.4. Các kỹ thuật áp dụng

Thời vụ trồng: Vụ Xuân năm 2022, gieo hạt ngày 26/2/2022, trồng 24/3/2022.

Phương thức trồng: Cây dưa trồng hàng kép trên luống đất rộng 1,6 m, có che phủ nilon đen đục lỗ, cây cách cây 0,6 m. Mật độ trồng 1.600 cây/1.000 m<sup>2</sup>. Cây được làm giàn leo theo dây sợi mềm thẳng đứng.

Phân bón: Loại phân bón lót là phân hữu cơ vi sinh Sông Gianh. Phân bón thúc được cung cấp dạng dung dịch tưới nhỏ giọt. Các loại phân khoáng sử dụng là Haifa Cal GG (Ca(NO<sub>3</sub>)<sub>2</sub> có tỷ lệ 15,5 N - 26,5 CaO pha nồng độ 750 ppm; POTANIT (KNO<sub>3</sub>) có tỷ lệ 13,5 N - 46 K<sub>2</sub>O pha nồng độ 150 ppm; K<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> có tỷ lệ 50 K<sub>2</sub>O-60 SO<sub>3</sub> pha nồng độ 200 ppm; Haifa MPK

(KH<sub>2</sub>PO<sub>4</sub>) có tỷ lệ 52 P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>-34 K<sub>2</sub>O pha nồng độ 150 ppm; MgNO<sub>3</sub> có tỷ lệ 11,0 N - 15,4 MgO pha nồng độ 250 ppm, MgSO<sub>4</sub> có tỷ lệ 98% MgSO<sub>4</sub>.7H<sub>2</sub>O pha nồng độ 375 ppm và bổ sung thêm phân vi lượng.

Liều lượng: Phân bón lót 400 kg/1.000 m<sup>2</sup>. Phân bón thúc như sau:

- Từ lúc trồng đến lúc cây ra hoa (sau trồng 33 -39 ngày), tưới toàn bộ các loại phân trên với liều lượng 0,2 - 1,0 lít/cây/ngày), lượng dung dịch phân tăng dần sinh trưởng của cây.

- Từ lúc đậu quả đến lúc quả lứa 1 đạt kích thước gần tối đa (60 - 65 ngày) tưới toàn bộ các loại phân trên với liều lượng 1,0 - 1,5 lít/cây/ngày, lượng dung dịch phân tăng dần với kích thước quả.

- Từ lúc quả lần 1 đạt kích thước tối đa đến trước khi kết thúc thu hoạch 7 ngày, tưới các loại phân trừ phân chứa đạm (-NO<sub>3</sub>) với liều lượng 0,5 - 1,2 lít/ngày, lượng dung dịch phân giảm dần.

Biện pháp cắt tỉa thân cành: Các giống dưa lê quả to (Nami 102, M108 và Bạch Kim) cây được vắt ngọn, treo bằng dây gai. Tỉa bỏ các nhánh cấp 1 từ nách lá thứ nhất đến nách lá thứ 9, để lại các nhánh cấp 1 mang trái từ lá thứ 10 trở lên để thụ phấn. Sau khi cây được 25 - 27 lá thì tiến hành bấm ngọn thân chính để tập trung dinh dưỡng nuôi quả.

Các giống quả nhỏ (Hanok No.1, Happy 6 và Happy 7) khi thân chính được 5 lá bấm ngọn nuôi 2 nhánh cấp 1 làm nhánh chính và được treo bằng dây gai. Nhánh cấp 1 được 30 - 35 lá thì bấm ngọn cho nuôi quả. Tỉa bớt các lá gốc, lá vàng úa giúp vườn thông thoáng.

Biện pháp thụ phấn, tỉa quả: Khi hoa cái ra rộ, tiến hành thụ phấn bằng tay cho dưa lê. Sau khi quả đậu 7 - 10 ngày phải tiến hành tỉa định quả, giữ lại quả đều nuôi quả phát triển. Nhóm giống quả to như Nami 102, M108 và Bạch Kim chỉ giữ lại 1 quả/cây, các giống còn lại giữ 3 - 4 quả/cây

### 2.5. Các chỉ tiêu và phương pháp theo dõi

Các chỉ tiêu theo dõi: Thời gian các giai đoạn sinh trưởng; động thái tăng trưởng chiều cao cây từ trồng đến sau trồng 35 ngày với tần suất sau 7 ngày theo dõi một lần; đặc điểm hình thái quả, khả năng ra hoa đậu quả; Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất; chất lượng quả. Chỉ tiêu và phương pháp theo dõi sâu bệnh hại áp dụng theo hướng dẫn của Trung tâm rau Thế giới (The World Vegetable Center) và Viện Bảo vệ thực vật.

### 2.6. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu thí nghiệm được xử lý thống kê theo phương pháp phân tích biến động (ANOVA) và các giá trị trung bình của các chỉ tiêu được so sánh xếp hạng theo T-tests bằng phần mềm thống kê SAS 9.1

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Khả năng sinh trưởng của các giống dưa lê

Đánh giá khả năng sinh trưởng (bảng 1) cho thấy thời gian sinh trưởng của các giống dưa nghiên cứu từ gieo hạt đến thu hoạch dao động từ 95 - 107 ngày. Thời gian vụ Xuân dài do giai đoạn đầu vụ thời tiết lạnh, cây sinh trưởng chậm. Trong đó thời gian từ trồng đến ra hoa cái từ 28 - 39 ngày. Nhóm giống dưa lê nhập khẩu Hàn Quốc như Nami 102, M108, Bạch Kim có thời gian ra hoa cái sớm hơn các giống còn lại từ 9 - 10 ngày. Do vậy thời gian thu hoạch và kết thúc thu quả cũng sớm hơn.

**Bảng 1. Thời gian hoàn thành các giai đoạn sinh trưởng của các giống dưa lê trong vụ Xuân Hè năm 2022**

TT	Tên giống	Thời gian từ khi gieo đến ... (ngày)			
		Trồng	Ra hoa cái	Thu quả lần 1	Kết thúc Thu quả
1	Nami 102	25	53	96	-
2	M108	25	54	96	-
3	Bạch Kim	25	53	95	-
4	Hanok No.1	25	63	101	107

TT	Tên giống	Thời gian từ khi gieo đến ... (ngày)			
		Trồng	Ra hoa cái	Thu quả lần 1	Kết thúc Thu quả
5	Happy 6 (HP6)	25	64	101	107
6	Happy 7 (HP7)	25	64	101	107

Khả năng sinh trưởng của các giống dưa lê thí nghiệm thể hiện qua sự tăng trưởng thân lá từ trồng đến sau trồng 35 ngày. Trong đó tăng trưởng chiều cao cây là một trong chỉ tiêu thể hiện rõ rệt nhất, thể hiện tốc độ ngày càng tăng nhanh cho đến thời điểm ra hoa cái. Trong các giống dưa lê thí nghiệm, 3 giống thuộc nhóm giống dưa lê Hàn Quốc (Nami 102, M108, Bạch Kim) có khả năng sinh trưởng sau 35 ngày đạt trên dưới 200 cm, cao hơn hơn 2 giống thuộc nhóm giống được chọn tạo tại Việt Nam (HP 6 và HP7) và 01 nhóm dưa lê Hàn Quốc (Hanok No.1)

#### 3.2. Một số đặc điểm hình thái các giống dưa lê

Các chỉ tiêu hình thái thể hiện đặc tính của mỗi giống cây trồng, được sử dụng cho công tác phân loại giống phục vụ cho nghiên cứu, ngoài ra còn ảnh hưởng đến thị hiếu người tiêu dùng, đến hiệu quả kinh tế người sản xuất. Các giống thí nghiệm có 2 nhóm giống: Nhóm dưa lê quả to gồm có Nami 102, M108 và Bạch Kim, nhóm giống quả nhỏ gồm Hanok No.1, Happy 6, Happy 7. Giữa các giống không có sự khác biệt nhiều về đặc điểm hình thái lá, màu sắc lá từ xanh nhạt, lá không xẻ thùy, trên thân và mặt lá có lớp lông tơ, hoa màu vàng tươi. Sự khác biệt rõ nhất ở đặc điểm quả: màu sắc vỏ quả, thịt quả, đặc biệt khi quả chín (hình 2).



**Hình 1: Đặc điểm hình thái quả khi thu hoạch của các giống dưa lê**

(Ghi chú: công thức 1 ( Nami102), công thức 2 ( M108), công thức 3 (Bạch Kim), công thức 4 (Hanok No.1), công thức 5 (Happy 6), công thức 6 (Happy 7).

Giống Nami 102 và M108 vỏ quả khi chín màu vàng tươi, thịt quả vàng nhạt, quả hình bầu dục, có khía rãnh to ngoài vỏ quả; giống Bạch Kim dạng quả hình bầu dục tròn, vỏ màu trắng sữa có điểm đốm xanh nhạt, thịt quả trắng sữa; Giống Hanok No1, Happy 6 và Happy 7 có hình trụ dài, vỏ màu vàng tươi và có xen sọc trắng, thịt quả trắng kem.

### 3.3. Tình hình sâu bệnh hại trên các giống dưa lê

Trong vụ Xuân 2022, các giống dưa lê nghiên cứu bị một số sâu bệnh gây hại. Trong đó gây hại chủ yếu là bệnh phấn trắng và tuyến trùng. Trong các giống dưa lê nghiên cứu, nhóm giống Nami 102, M108 và Bạch Kim bị nhiễm bệnh phấn trắng cao (điểm 3, 4), bệnh tuyến trùng điểm 3 (bảng 2). Bệnh thán thư và sương mai gây hại nhẹ trên các giống. Mức độ nhiễm bệnh phấn trắng và tuyến trùng gây hại khá nặng đã ảnh hưởng đến năng suất của các giống thí nghiệm.

**Bảng 2. Tình hình nhiễm sâu, bệnh hại của các giống dưa lê**

TT	Tên giống	Sâu xanh	Bệnh phấn trắng	Bệnh thán thư	Bệnh sương mai	Bệnh tuyến trùng
1	Nami 102	1	4	1	1	3
2	M108	1	4	1	1	3
3	Bạch kim	1	3	1	0	3
4	Hanok No.1	1	3	1	1	2
5	Happy 6	1	2	1	0	2
6	Happy 7	1	2	1	0	2

Ghi chú:

Các cấp bệnh gồm:

Cấp 0: Cây không bị bệnh

Cấp 1: Có 1 đến <10% diện tích lá bị bệnh

Cấp 2: Có 10% đến <25% diện tích lá bị bệnh

Cấp 3: Có 25% đến <50% diện tích lá bị bệnh

Cấp 4: Có 50% đến <75% diện tích lá bị bệnh

Cấp 5: Có từ 75% diện tích lá trở lên bị bệnh

Các biện pháp xử lý đất và phòng trừ đã được áp dụng, tuy nhiên thời tiết vụ Xuân là điều kiện thuận lợi cho nấm bệnh phát triển. Tuyến trùng phát triển trong đất và tấn công vào rễ cây, do vậy sau mỗi vụ xử lý đất không triệt để sẽ là nguồn lây lan bệnh sang vụ sau,

làm ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất dưa lê. Cụ thể, tỷ lệ cây cho thu hoạch ở các giống nhiễm tuyến trùng cao sẽ thấp hơn các giống khác (Bảng 4). Đối với bệnh hại trong đất như trên, sử dụng giống kháng được đề xuất là giải pháp hiệu quả, tuy nhiên giải pháp này khó thực hiện vì cho đến nay chưa có giống dưa lê nào có khả năng kháng bệnh [8]. Tương tự, chưa có giống dưa lê nào kháng tuyến trùng được thương mại hóa tại Hàn Quốc [9].

### 3.4. Khả năng ra hoa, đậu quả của các giống dưa lê

Đặc tính ra hoa, số lượng hoa trên cây được quyết định bởi các đặc tính di truyền của giống, ngoài ra phụ thuộc chặt chẽ vào yếu tố thời tiết như nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng và dinh dưỡng. Các giống nghiên cứu có số hoa cái nhiều, số quả đậu cao, hoa cái từ 10,0 - 14,66 hoa. Trong điều kiện canh tác trong nhà màng, thụ phấn bằng tay, số quả đậu đạt từ 7,0 - 9,0 quả/cây. Giống HP6 và HP7 có số quả đậu cao nhất (9 quả/cây), cùng với giống Hanok No.1, các giống này có tỷ lệ đậu quả cao hơn 3 giống nhóm quả to (Bảng 3).

**Bảng 3. Khả năng ra hoa đậu quả của các giống dưa lê**

TT	Tên giống	Số hoa cái/cây (hoa)	Số quả đậu/cây (quả)	Tỷ lệ đậu quả (%)
1	Nami 102	10,00 <sup>b</sup>	5,00 <sup>c</sup>	52,52
2	M108	12,33 <sup>ab</sup>	6,66 <sup>b</sup>	55,62
3	Bạch kim	13,66 <sup>a</sup>	7,00 <sup>b</sup>	49,38
4	Hanok No.1	14,66 <sup>a</sup>	8,66 <sup>a</sup>	61,87
5	Happy 6	14,66 <sup>a</sup>	9,00 <sup>a</sup>	61,01
6	Happy 7	13,66 <sup>a</sup>	9,00 <sup>a</sup>	63,59
	P	<0,05	<0,05	
	CV%	8,03	11,84	
	LSD <sub>0.05</sub>	1,82	2,83	

### 3.5. Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất

Năng suất là chỉ tiêu quan trọng nhất để đánh giá được hiệu quả kinh tế của các giống. Hai yếu tố cấu thành năng suất quan trọng đó là số quả trên cây và khối lượng trung bình quả. Nghiên cứu các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất được thể hiện ở bảng 4.

**Bảng 4. Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của các giống dưa lê**

TT	Tên giống	Tỷ lệ cây cho thu hoạch (%)	Số quả thương phẩm/cây	Khối lượng TB quả (kg)	NSLT (tạ/1000m <sup>2</sup> )	NSTT (tạ/1000m <sup>2</sup> )
1	Nami 102	75,1	1,00 <sup>b</sup>	0,91 <sup>b</sup>	18,22 <sup>cd</sup>	13,30 <sup>c</sup>
2	M108	80,1	1,00 <sup>b</sup>	0,81 <sup>c</sup>	16,17 <sup>d</sup>	12,90 <sup>c</sup>
3	Bạch Kim	85,2	1,00 <sup>b</sup>	1,29 <sup>a</sup>	25,82 <sup>a</sup>	24,10 <sup>a</sup>
4	Hanok No.1	86,8	2,74 <sup>a</sup>	0,52 <sup>d</sup>	24,31 <sup>ab</sup>	23,53 <sup>a</sup>
5	Happy 6	92,4	3,00 <sup>a</sup>	0,46 <sup>d</sup>	24,26 <sup>ab</sup>	22,40 <sup>ab</sup>
6	Happy 7	90,6	2,73 <sup>a</sup>	0,45 <sup>d</sup>	21,33 <sup>bc</sup>	20,03 <sup>b</sup>
	P		<0,05	<0,05	<0,05	<0,05
	CV%		9,70	7,15	11,21	8,19
	LSD <sub>0.05</sub>		0,30	0,09	4,42	2,88

Tỷ lệ cây cho thu hoạch của các giống dưa thí nghiệm đạt từ 75,1 - 92,4% trong đó có hai giống dưa quả to đạt thấp hơn, điều này ảnh hưởng đến năng suất thực thu của giống. Tỷ lệ cây thu hoạch thấp nguyên nhân chính là do cây bị bệnh phấn trắng và tuyến trùng gây hại nặng ở hai giống này (Bảng 2).

Số quả thương phẩm trên cây là số quả đủ tiêu chuẩn cho thu hoạch, được theo dõi vào giai đoạn thu quả cho thấy nhóm giống dưa lê quả to (Nami 102, M108, Bạch Kim) cho thu 01 quả/cây; các giống còn lại có số quả/cây tương đương nhau, dao động từ 2,73 - 3,00 quả/cây.

Khối lượng trung bình quả cũng khác nhau giữa hai nhóm giống. Nhóm giống dưa lê quả to (Nami 102, M108, Bạch Kim) có khối lượng quả từ 0,81 - 1,29 kg/quả. Khối lượng lớn nhất ở giống Bạch Kim (1,29 kg/quả). Nhóm giống quả nhỏ có khối lượng quả tương đương nhau, dao động từ 0,45 - 0,52 kg/quả.

Năng suất lý thuyết và năng suất thực thu quả tươi giữa các giống có sự khác biệt rõ rệt. Năng suất lý thuyết của các giống dưa đạt từ 16,17 - 24,31 tạ/1000 m<sup>2</sup>. Trong đó đạt cao nhất ở giống Bạch Kim, tiếp đến 2 giống Hanok No.1 và Happy 6 và thấp nhất ở giống M108.

Năng suất thực thu của các giống dưa đạt từ 12,9 - 24,1 tạ quả tươi/1.000 m<sup>2</sup>, trong đó đạt cao nhất ở giống Bạch Kim và Hanok No.1, tiếp đến là giống HP 6 (22,4 tạ/1.000 m<sup>2</sup>) và HP7 (20,03 tạ/1.000 m<sup>2</sup>). Năng suất thấp nhất ở hai giống Nami 102 và M108. Một trong những nguyên nhân làm cho năng suất thực thu

hai giống này thấp hơn nhiều so với tiềm năng năng suất của giống là do hai giống này bị tuyến trùng và phấn trắng gây hại nặng hơn, tỷ lệ cây thu hoạch thấp, một số cây sinh trưởng kém, cây không cho thu hoạch.

### 3.6. Sơ bộ đánh giá chất lượng quả dưa lê

Dưa lê được sử dụng để ăn tươi nên chất lượng và mẫu mã ảnh hưởng rất lớn đến thị hiếu người tiêu dùng và quyết định giá trị của sản phẩm. Sơ bộ đánh giá chất lượng quả dưa lê các giống nghiên cứu trong vụ Xuân 2022 được thể hiện ở bảng 5.

Các giống dưa lê nghiên cứu có độ Brix dao động từ 11,2 - 14,8%, hàm lượng vitamin C từ 60,67 - 74,23 mg/100g thịt quả, hàm lượng đường tổng số: 4,37 - 6,26%, hàm lượng vật chất khô từ 7,99 - 15,62%. Trong đó nhóm giống dưa lê quả nhỏ (HP6, HP7 và Hanok No.1) có độ brix, đường tổng số và vật chất khô cao hơn các giống còn lại. Độ brix cao nhất trong nhóm này là HP6 đạt 14,8%, vật chất khô và đường tổng số cao nhất ở giống Hanok No.1. Chất lượng cảm quan qua đánh giá bằng thử nếm cho thấy 3 giống thuộc nhóm giống quả nhỏ này có thịt quả giòn, ngọt, HP6, HP7 có mùi thơm đặc trưng khi chín. Mùi thơm và độ ngọt rõ nhất ở giống HP6. Giống HP6, HP7 đã sản xuất thử thành công tại nhiều tỉnh thành trong nước như: Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Thái Bình, Thanh Hóa, Bình Định, Đà Nẵng và Phú Quốc [3].

**Bảng 5. Đặc điểm chất lượng quả của các giống dưa lê vụ Xuân Hè 2022**

STT	Tên giống	Độ Brix (%)	Hàm lượng vitamin C (mg/100g)	Hàm lượng đường tổng số (%)	Hàm lượng vật chất khô (%)	Độ giòn	Hương thơm
1	Nami 102	12,1	71,13	4,44	8,19	Ít giòn	Không thơm
2	M108	12,1	67,82	4,93	8,19	Ít giòn	Không thơm
3	Bạch Kim	11,2	68,73	4,61	7,99	Mềm	Không thơm
4	Hanok No.1	12,8	60,67	6,26	15,62	Rất giòn	Thơm
5	Happy 6	14,8	62,04	6,18	15,02	Giòn	Rất thơm
6	Happy 7	13,1	74,23	4,37	12,72	Giòn	Thơm

Độ giòn được đánh giá rõ nhất ở giống Hanok No.1; giống Nami 102 và M108 giòn ít, giống dưa lê Bạch Kim có thịt quả mềm. Nhóm giống dưa lê quả to (Nami 102, M108, Bạch Kim) không có mùi thơm khi quả chín là sự khác biệt rõ nhất giữa 2 nhóm giống nghiên cứu.

#### 4. Kết luận

Qua sơ bộ đánh giá khả năng sinh trưởng vụ Xuân năm 2022 cho thấy:

Các giống dưa lê nghiên cứu có khả năng sinh trưởng khá tốt trong điều kiện trồng nhà màng Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, thời gian sinh trưởng từ 95 - 107 ngày. Khả năng sinh trưởng chiều cao thân chính nhóm giống dưa lê Hàn Quốc quả to (Nami 102, M108, Bạch Kim) mạnh hơn nhóm giống quả nhỏ. Các giống dưa lê đều nhiễm bệnh phấn trắng và tuyến trùng, do đó cần có biện pháp phòng trừ kịp thời. Ngoài ra, xuất hiện thêm bệnh thán thư, sương mai và sâu xanh ăn lá gây hại nhẹ. Giống HP6 và HP7 bị nhiễm bệnh muội và hại nhẹ hơn các giống khác.

Giống Bạch Kim, Hannok No.1 và HP6 có tiềm năng cho năng suất cao, đạt từ 22,4 - 24,1 tạ/1000 m<sup>2</sup>, tiếp đến là HP7 (20,03 tạ/1000 m<sup>2</sup>). Giống HP6 có độ ngọt đạt cao nhất, hương thơm đặc trưng, thịt quả giòn ngọt (Brix đạt 14,8%, đường tổng số 6,18%). Đây cũng là giống mới được lai tạo và công nhận, có đặc tính quả vừa, hình thái quả đẹp, thịt quả chắc, đang được phát triển sản xuất ở nhiều địa phương trong cả nước.

#### REFERENCES

[1] Cuc, T.T. (2005). Syllabus of vegetable growing techniques. Hanoi Publishing House 2005. pp. 176-184.

[2] Hai, T.T.H., Linh, T.N., Thanh, N.D. (2019). Comparison of growth, yield and quality of several varieties of melon (*Cucumis melo* L.) F1 in spring-summer 2018 greenhouse conditions in Thua Thien Hue-Vietnam. *Hue University Journal of Science: Agriculture and Rural Development*; ISSN 2588-1191 Vol. 128, No. 3A, 2019, pp. 57-66;

[3] Hanh, N.T., Hanh, N.T.H., Hong, T.T., Hue, P.T.M., Huy, V.N. (2020). The results of the study selected the breeding of hybrid yellow melons. *Journal of Agriculture and Rural Development* - 3/2020. Pg.111-117

[4] Oanh, L.T.K., Hanh, N.T., Ha. T.D (2018). Study the growth, yield and quality of some Korean melon varieties in Thai Nguyen province-Vietnam. *Journal of Agriculture and Rural Development* - 11/2018. Pg.74-81.

[5] Adams C. F. (1975). Nutritive value of American foods in common units, U.S. Department of Agriculture, *Agric Handbook*, 425, 29.

[6] Fruit and Vegetable Research Institute (2021). Choose to successfully create 2 varieties of yellow melon Happy 6, Happy 7. <http://favri.org.vn/index.php/vi/tin-tuc-noi-bat/1146-chon-tao-thanh-cong-2-giong-dua-le-vang-happy-6-happy-7>

[7] Lester Gene (1997). Melon (*Cucumis melon* L.) fruit nutritional quality and health functionality, *Horttechnology*, 1997.

[8] Lee, W. J., Lee, J. H., Jang, K. S., Choi, Y. H., Kim, H. T. and Choi, G. J., 2015. Development of efficient screening methods for melon plants resistant to *Fusarium oxysporum* f. sp. melonis. *Korean J. Hortic. Sci. Technol.* 33:70-82.

[9] Seo Y. and Kim Y. H., 2017. Potential Reasons for Prevalence of *Fusarium Wilt* in Oriental Melon in Korea. *Plant Pathol. J.* 33(3) : 249-263.